

## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao”)

### WRITTEN SUBMISSION

(Re: Approval of the adjusting policy on the project of “Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center”)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Danapha**

Respectfully to: The General Meeting of Shareholders of Danapha Pharmaceuticals JSC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;  
*Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17th, 2020;*
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Danapha;  
*Pursuant to Company’s Charter of Danapha Pharmaceuticals Joint Stock Company;*
- Căn cứ Nghị quyết số 109/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/12//2021 của ĐHĐCĐ v/v thông qua việc điều chỉnh một số nội dung Dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD công nghệ cao Danapha (Giai đoạn 1) tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng;  
*Pursuant to the Resolution No. 109/2021/NQ-DHDCD on Dec 01st, 2021 of The General Meeting of Shareholders to approve some adjustments to the Project of Danapha’s Hi-tech Pharmaceutical OSD Factory and the Hi-tech Research and Development Center (Phase I) at Da Nang Hi-tech Industrial Park;*
- Căn cứ Nghị quyết số 110/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/12/2021 của ĐHĐCĐ v/v thông qua chủ trương đầu tư Dự án “Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao Giai đoạn 2 tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng”;  
*Pursuant to the Resolution No. 110/2021/NQ-DHDCD on Dec 01st, 2021 of The General Meeting of Shareholders to approve the investment policy of the Project of “Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center (Phase II) at Da Nang Hi-tech Industrial Park”;*
- Căn cứ Nghị quyết số 65/2022/NQ-HĐQT ngày 15/8/2022 của Hội đồng quản trị v/v thông Báo cáo khả thi Dự án “Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD Công nghệ cao” thuộc dự án “Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao”;  
*Pursuant to the Resolution No. 65/2022/NQ-HDQT dated on August 15th, 2022, of The Board of Directors for approval of the Feasibility Report of “the Hi-tech Pharmaceutical OSD Factory” project that belongs to “Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center”;*
- Căn cứ Nghị quyết số 41/2023/NQ- ĐHĐCĐ ngày 5/3/2023 của ĐHĐCĐ thống nhất thông qua việc điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn cho dự án “Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao”;  
*Pursuant to the Resolution No. 41/2023/NQ-DHDCD dated on March 5th, 2023, of The*

*General Meeting of Shareholders for approval of adjusting the investment fund structure of the Project of "Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center";*

- Căn cứ Nghị quyết số 42/2023/NQ- ĐHĐCĐ ngày 5/3/2023 của ĐHĐCĐ thống nhất thông qua việc điều chỉnh mở rộng diện tích đầu tư dự án "Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao";

*Pursuant to the Resolution No. 42/2023/NQ-DHDCD dated on March 5th, 2023, of The General Meeting of Shareholders for approval of extending the investment area of the Project of "Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center";*

- Căn cứ Nghị quyết số 68/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/07/2023 của ĐHĐCĐ bất thường v/v thống nhất thông qua việc tăng tổng mức đầu tư Dự án "Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao" từ 739.916.015.210 VNĐ lên 1.198.151.238.114 VNĐ.

*Pursuant to Resolution No. 68/2023/NQ-DHDCD dated July 22nd, 2023, of the Extraordinary General Meeting of Shareholders on approval of increasing the total investment amount of the Project of "Pharmaceutical Factory and the Hi-tech research and development center" from 739,916,015,210 VND to 1,198,151,238,114 VND.*

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông việc thông qua chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng "Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao" tại Khu công nghệ cao như sau:

*The Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders about the the adjusting policy on the project of "Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center" at the Hi-tech Industrial Park as follows:*

- I. Nội dung Dự án "Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao" báo cáo ĐHĐCĐ về việc điều chỉnh hạng mục đầu tư tại báo cáo số ... 2.9.6./2024/BC-TGD ngày 29/03/2024:

*The Project of "Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center" content reported to the General Meeting of Shareholders regarding the adjustments in investment items in the Report No. 2.9.6/ 2024/BC-TGD dated March 29<sup>th</sup>, 2024:*

- Dự án "Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao" (2 phân kỳ) tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường vào 01/12/2021 thông qua với các nội dung chủ yếu như sau:

*The Project of "Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center" (two phases) at Da Nang Hi-tech Industrial Park has been approved by the General Meeting of Shareholders at the extraordinary meeting on Dec 1st, 2021, with the following contents:*

1. Tên Dự án/Project name:

- Phân kỳ 1: Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD công nghệ cao  
*Phase 1: Hi-tech Pharmaceutical OSD Factory*
- Phân kỳ 2: Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao Giai đoạn 2  
*Phase 2: Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center – Phase 2*
- Thuộc dự án "Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao"  
*Belong to the Project of "Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center"*

2. Địa điểm đầu tư: Lô đất A22, đường số 3 Khu công nghệ cao Đà Nẵng, huyện Hòa

Vang, thành phố Đà Nẵng.

*Investment location: Lot A22, Road No.3, Da Nang Hi-tech Industrial Park, Hoa Vang District, Da Nang.*

3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dược Danapha.

*Investor: Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company*

4. Quy mô đầu tư/*Investment scale:*

*Diện tích đất sử dụng: 31.013,5 m<sup>2</sup> /Land use area: 31.013,5 m<sup>2</sup>*

**Phân kỳ 1/Phase 1:**

- Công suất thiết kế: 1,0 tỷ viên/năm

*Designed capacity: 1,0 billion tablets/per year*

- Sản phẩm đầu ra: Các sản phẩm thuốc viên công nghệ cao của dây chuyền sản xuất thuốc viên OSD được sản xuất theo những công nghệ sau:

*Output products: Hi-tech OSD products of the OSD Production Line manufactured according to the following technologies:*

- Công nghệ nano trong sản xuất dược phẩm (Theo Khoản 92 Phụ lục I – Danh mục Công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng chính phủ).

*Nanotechnology in pharmaceutical manufacturing (According to Article 92, Appendix I – The list of high technologies prioritized for development investment issued together with Decision No. 38/2020/QĐ-TTg dated December 30th , 2020 of the Prime Minister)*

- Công nghệ sản xuất thuốc viên phóng thích có kiểm soát (Theo Khoản 81 Phụ lục I – Danh mục Công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng chính phủ).

- *Technology for producing controlled release tablets (According to Article 81, Appendix I – The list of high technologies prioritized for development investment issued together with Decision No. 38/2020/QĐ-TTg dated December 30th , 2020 of the Prime Minister)*

**Phân kỳ 2/Phase 2:**

- Công suất thiết kế: 90 triệu đơn vị/năm (thuốc nước, thuốc tiêm, cao dầu).

*Design capacity: 90 million units/year (liquids, solutions for injections, balms and liniments).*

- Sản phẩm đầu ra/*Outputs:*

• Các sản phẩm thuốc viên công nghệ cao của Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD được sản xuất theo những nhóm sản phẩm sau:

*The High-tech pharmaceutical tablets manufactured by the High-tech Pharmaceutical OSD Factory are categorized as follows:*

+ Nhóm sản phẩm 1: Thuốc viên nang mềm công nghệ nano (Nhóm sản phẩm sử dụng công nghệ nano, Mục 88, Phụ lục 2, QĐ số 38/2020/QĐ-TTg);

*Product group 1: Nano-technology soft capsules (Product group using nanotechnology, Item 88, Appendix 2, Decision No.38/2020/QĐ-TTg);*

+ Nhóm sản phẩm 2: Thuốc viên giải phóng có kiểm soát (Nhóm sản phẩm viên giải phóng có kiểm soát, Mục 76, Phụ lục 2, QĐ số 38/2020/QĐ-TTg);

*Product group 2: Controlled release tablets (Product group of controlled release tablets, Item 76, Appendix 2, Decision No. 38/2020/QĐ-TTg);*

+ Nhóm sản phẩm 3: Các sản phẩm thuốc viên khác: Sản phẩm thuốc có chứng minh tương đương sinh học với thuốc gốc đối chiếu, sản phẩm được sản xuất

theo công nghệ giải phóng tức thì (viên ODT), sản phẩm mới vừa hết hạn bảo hộ độc quyền trên thế giới...

*Product group 3: Other types of tablets: Tablets that are pharmaceutical equivalents to reference products, immediate-release products (ODT tablets), products whose monopoly expired worldwide recently, etc.*

- Các sản phẩm thuốc tiêm, thuốc nước, thuốc dùng ngoài của Nhà máy sản xuất dược phẩm và TT R&D công nghệ cao

*The solutions for injections, liquids, and products for external use that are manufactured by the Pharmaceutical Factory and the Hi-tech R&D Center*

- + Các sản phẩm thuốc tiêm, thuốc nước, thuốc dùng ngoài hợp tác nghiên cứu phát triển với đối tác nước ngoài và các sản phẩm được nghiên cứu phát triển tại Danapha theo nhu cầu của thị trường hoặc theo đơn đặt hàng.

*The solutions for injections, liquids, and products for external use that are collaboratively researched and developed with international partners, as well as at Danapha in accordance with market demand or upon request.*

- + Các dây chuyền sản xuất và Trung tâm R&D đều là dây chuyền sản xuất hiện đại với những công nghệ tiên tiến nhất được nhập khẩu từ Châu Âu. Phần lớn các công đoạn sản xuất đều được tự động hóa, khép kín, phù hợp với quy định về công nghệ cao trong sản xuất dược phẩm.

*Both the production lines and the R&D Center are equipped with state-of-the-art manufacturing technology imported from Europe. The majority of production processes are automated, enclosed, and compliant with regulations concerning advanced technology in pharmaceutical manufacturing.*

- + Đầu tư thêm hệ thống thuốc nước theo công nghệ BFS.

*Additional investment in the water-based medication system using BFS technology.*

##### 5. Quy mô kiến trúc xây dựng/Scale of construction architecture:

Quy mô dự án Phân kỳ 1: Đầu tư xây dựng 01 nhà máy sản xuất dược phẩm thuốc viên (OSD) bao gồm 02 dây chuyền sản xuất thuốc tân dược có công suất 1 tỷ viên/năm, nhà kho, phòng lab thí nghiệm (QC) với diện tích đất xây dựng là 5.400m<sup>2</sup> (tổng diện tích sàn là 10.800m<sup>2</sup>) và khu phụ trợ cho xưởng sản xuất (nhà chiller, phòng cơ điện, trạm hạ thế, tủ phân phối điện, nhà xe, trạm bơm, nhà nồi hơi, kho dung môi, nhà chứa rác, trạm xử lý nước thải, trạm bơm, bể nước ngầm, nhà chứa gas, ...). Nhà xưởng đảm bảo các tiêu chuẩn về độ sạch theo quy định của tiêu chuẩn GMP Châu Âu (EU-GMP).

*Investment scale of Phase 1: Investing in construction of a Oral solid dosage (OSD) manufacturing factory, comprising new drug production lines with a capacity of 1 billion tablets/year, warehouse facilities, a quality control (QC) laboratory covering a land area of 5,400m<sup>2</sup> (total floor area of 10,800m<sup>2</sup>), and auxiliary areas for the manufacturing factory (chiller room, mechanical and electrical room, substation, electrical distribution panel, parking area, pump station, boiler room, solvent storage, waste storage, wastewater treatment station, pump station, groundwater tank, gas storage, etc.). The manufacturing facility ensures compliance with cleanliness standards as stipulated by the European Good Manufacturing Practice (EU-GMP) regulations.*

Quy mô dự án Phân kỳ 2: Trong Phân kỳ 2 sẽ đầu tư các hạng mục sau:

*Investment scale of Phase 2: In Phase 2, Danapha will invest in the following items:*

- 01 nhà máy sản xuất bao gồm các dây chuyền sản xuất: Thuốc tiêm, thuốc nước, thuốc dùng ngoài, siro và cao dầu xoa. Quy mô nhà xưởng 02 tầng với

diện tích xây dựng 47m x 76m.

*01 manufacturing factory comprising production lines for: solutions for injections, liquids, products for external use, syrups, balms and liniments. The factory scale spans two floors with a construction area of 47m x 76m.*

- 01 kho thành phẩm chung cho các nhà máy. Quy mô 01 tầng cao với diện tích xây dựng 36m x 90m. Bên trong có bố trí các khu vực kho đặc biệt hay chuyên dụng theo nhu cầu sử dụng.

*01 general finished product warehouse servicing all manufacturing factories. A single-storey warehouse with a construction area of 36m x 90m, internally structured with specialized or dedicated storage areas as required.*

- 01 Trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) nối liền với nhà xưởng sản xuất thuốc tiêm/ thuốc nước. Quy mô 02 tầng với diện tích xây dựng 16m x 47m.

*01 Research and Development (R&D) Center connected to the pharmaceutical factory of solutions for injections/ liquids. The R&D Center spans two floors with a construction area of 16m x 47m.*

- 01 nhà văn phòng + căng tin với đầy đủ các phòng chức năng cho làm việc và nghỉ ngơi. Quy mô 04 tầng với diện tích xây dựng 24m x 32m.

*01 office building + cafeteria equipped with all necessary functional rooms for work and relaxation. A four-storey building with a construction area of 24m x 32m.*

- Các khu vực phụ trợ phục vụ cho sản xuất.

*Supportive areas for manufacturing purposes.*

- 6. Tổng mức đầu tư:** 1.198.000.000.000 đồng được chia làm 02 phân kỳ đầu tư. Cụ thể như sau:

**The total investment amount:** 1.198.000.000.000 VND, divided into two investment phases as follows:

TT No.	Loại chi phí Expense type	Phân kỳ I Phase I	Phân kỳ II Phase II	Tổng mức đầu tư Total investment amount
1	Chi phí xây lắp và thiết bị xây lắp <i>Installation and Construction Equipment Costs</i>	204.158.156.367	321.094.130.127	525.252.286.494
2	Chi phí thiết bị sản xuất <i>Manufacturing Equipment Costs</i>	222.852.290.000	347.555.391.231	570.407.681.231
3	Chi phí chung khác: TVTK, TVGS, TV đấu thầu, quản lý dự án, thẩm định EU-GMP, ... <i>Other general expenses: Construction supervision, Quality management, Bidding expenses, Project</i>	10.326.800.000	13.500.000.000	23.826.800.000

	<i>management, EU-GMP assessment, etc.</i>			
4	Chi phí khác và chi phí dự phòng <i>Miscellaneous and Contingency Expenses</i>	2.000.000.000	11.000.000.000	13.000.000.000
5	Chi phí lãi vay vốn hóa <i>Capitalization Interest Expenses</i>	14.000.000.000	3.928.750.000	17.928.750.000
6	Chi phí đã chi trước đây <i>Previously Incurred Costs</i>	21.808.019.605	25.851.707.605	47.659.727.209
	<b>Tổng cộng/ Total</b>	<b>475.145.265.972</b>	<b>722.929.978.962</b>	<b>1.198.075.244.934</b>

**7. Nguồn vốn đầu tư:** Theo nghị quyết số 68/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/07/2023.

*Investment fund: According to Resolution No. 68/2023/NQ-DHDCD dated July 22<sup>nd</sup>, 2023.*

STT No.	Cơ cấu vốn đầu tư <i>Capital Investment Structure</i>	Phân kỳ 1 <i>Phase 1</i>	Phân kỳ 2 <i>Phase 2</i>	Tổng dự án <i>Total</i>	Tỷ trọng trong Tổng vốn đầu tư <i>Proportion in Total Capital Investment</i>
1	Vốn góp thực hiện dự án (Từ Trái phiếu chuyển đổi) <i>Contribution from project implementation (from Convertible bonds)</i>	118.400.000.000	31.600.000.000	150.000.000.000	12,52%
2	Lợi nhuận để lại tái đầu tư (Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp) <i>Capital from Development Investment Fund of the Company</i>	165.000.000.000	44.000.000.000	209.000.000.000	17,45%

3	Vốn vay Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng (DDIF) <i>Loan from Danang Development &amp; Investment Fund (DDIF)</i>	0	140.000.000.000	140.000.000.000	11,69%
4	Vốn vay cổ đông <i>existing shareholders loan</i>	0	307.000.000.000	307.000.000.000	25,63%
5	Vốn vay nước ngoài (dài hạn) <i>Foreign loan (long-term)</i>	192.000.000.000	200.000.000.000	392.000.000.000	32,72%
<b>Tổng vốn đầu tư/ Total investment amount</b>		<b>475.400.000.000</b>	<b>722.600.000.000</b>	<b>1.198.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

#### 8. Thời gian thực hiện dự án/ *Duration of project implementation*

- Phân kỳ 1: Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD công nghệ cao.

*Phase 1: the High-tech pharmaceutical OSD Factory.*

Tiến độ thực hiện từ 30/11/2021 đến 31/12/2023.

*The implementation schedule: 30/11/2021 - 31/12/2023.*

- Phân kỳ 2: Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao.

*Phase 2: Pharmaceutical factory and Hi-tech Research and Development Center.*

Tiến độ thực hiện từ tháng 20/04/2023 đến 01/08/2024.

*The implementation schedule: 20/04/2023 đến 01/08/2024.*

#### II. Lý do, mục đích xin chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao”: *Reasons and objectives for requesting the adjusting policy on the project of “Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center”:*

##### 1. Về việc cần thiết đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất

*Regarding the necessity of investing in the construction of manufacturing factory*

- a. Nhà máy GMP-WHO Đông dược được bắt đầu xây dựng từ năm 2009 và đưa vào sử dụng vào tháng 11/2010 tại Khu công nghiệp Hòa Khánh, Đà Nẵng. Nhà máy rộng 4.774m<sup>2</sup> gồm các khu vực sản xuất chính như: khu vực sơ chế dược liệu - chiết cao, khu vực sản xuất thuốc viên, kho thành phẩm. Đến nay, qua hơn 13 năm hoạt động, cơ sở hạ tầng cũng như hệ thống máy móc thiết bị sản xuất đã xuống cấp. Dự kiến, trong tương lai gần, cơ sở vật chất và các máy móc thiết bị sản xuất của Nhà máy

cần được nâng cấp, sửa chữa, khắc phục để đảm bảo phục vụ cho việc sản xuất các sản phẩm đông dược theo đúng quy định hiện hành của Việt Nam và quốc tế.

*The GMP-WHO herbal medicine factory was started construction in 2009 and put into operation in November 2010 in Hoa Khanh Industrial Park, Da Nang. The factory, covering an area of 4,774m<sup>2</sup>, consists of main production areas such as: area of preliminary processing of raw material – extraction, tablet production area, finished product warehouse. Over the past 13 years of operation, both infrastructure, production machinery and equipment have deteriorated. It is expected that in the near future, the infrastructure, production machinery and equipment of the factory are needed for upgrade, repair, and improvement to ensure the production of herbal products in compliance with the current regulations of Vietnam and international standards.*

- b. Hiện tại nhu cầu của thị trường ngoài nước của Công ty, về các mặt hàng thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe có nguồn gốc dược liệu có xu hướng tăng, vì vậy cần thiết đầu tư xây dựng nhà xưởng với dây chuyền sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu, thảo dược, đảm bảo các điều kiện đạt tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu.

*Currently, there is an increasing trend in the demand for herbal pharmaceutical and food supplement products in the international market. Therefore, it is necessary to invest in constructing a factory with production lines for herbal products, ensuring compliance with the standards of export markets.*

- c. Việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất mới trên diện tích đất còn trống tại Dự án Công nghệ cao giúp việc tối ưu việc quản lý, cũng như chi phí phát sinh trong quá trình xây dựng (có thể được hoàn thuế đầu tư trong trường hợp được gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư).

*Investing in the construction of a new manufacturing factory on the available land area at the project of "Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center" shall optimize management and reduce costs incurred during construction (which may be eligible for investment tax refund in case investment certificate is extent).*

2. Việc cần thiết đầu tư máy móc thiết bị sản xuất:

*Regarding the necessity of investing in production machinery and equipment*

Trong quá trình nghiên cứu thị trường, phân tích số liệu kinh doanh, đánh giá khả năng nghiên cứu và áp dụng vào sản xuất của công ty, Ban điều hành Công ty nhận thấy rằng:

*During market research, business data analysis, and evaluation of the research and application capabilities in production of the company, the Company's Executive Management has identified the following:*

- a. Các sản phẩm dạng viên rắn có nguồn gốc dược liệu đang có rất nhiều tiềm năng trên thị trường xuất khẩu, cũng như trong nước.

*Herbal OSD products have great potential in both the domestic and export markets.*

- b. Theo thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BYT ngày 17 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe như sau:

*According to Circular No. 29/2020/TT-BYT dated December 31, 2020, of the Ministry of Health amending and supplementing certain provisions of Circular No. 18/2019/TT-BYT dated July 17, 2019, of the Minister of Health guiding Good*



*Manufacturing Practice (GMP) in the production and trading of food supplements as follows:*

- c. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3: “Cơ sở sản xuất thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền đã được Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hoặc đánh giá đáp ứng Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GMP) đối với thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền còn hiệu lực theo quy định của pháp luật về dược được sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe có dạng bào chế tương ứng với dạng bào chế đã được chứng nhận và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu GMP thực phẩm bảo vệ sức khỏe”

*Amending and supplementing to Clause 3, Article 3: "herbal, traditional medicine manufacturing facilities that have been issued Certificates of Compliance with standards, or assessed to meet Good Manufacturing Practice (GMP) for herbal and traditional medicine by the Drug Administration Department - Ministry of Health, Department of Traditional Medicine - Ministry of Health, are still effective under the regulations of pharmaceuticals are allowed to produce food supplements in corresponding dosage forms that have been certified and are not required to undergo the procedure of issuing Certificate Of Food Safety Eligibility meeting GMP requirements for food supplements."*

- d. Các sản phẩm thuốc dùng ngoài dạng gel, mỡ đang có dung lượng thị trường tương đối lớn, Công ty có thể khai thác và phát triển.

*Gel and ointment products for external use have a relatively large market demand, which the Company may sell and develop.*

*(Phụ lục 01 - Báo cáo nghiên cứu thị trường và đánh giá tiềm năng sản xuất kèm theo)*

*(Appendix 01 - Market research report and production potential assessment attached)*

Từ các đánh giá nêu trên, để đa dạng hóa các ngành hàng, nâng cao sản lượng, tăng tính cạnh tranh, đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất cho thị trường trong và ngoài nước, nhằm đẩy mạnh sự phát triển của Công ty, Ban điều hành đề xuất:

*Based on the above assessments, to diversify product lines, increase production capacity, enhance competitiveness, and ensure production standards for both domestic and international markets to promote the company's development, the Executive Management would like to propose as follows:*

- Đầu tư một dây chuyền sản xuất viên dạng rắn có nguồn gốc dược liệu, thảo dược.

*Investing in one production line for herbal OSD.*

- Đầu tư hai dây chuyền sản xuất thuốc dùng ngoài dạng gel, mỡ.

*Investing in two production lines for gel and ointment products for external use*

### 3. Việc cần thiết đầu tư hai hệ thống máy lọc nước RO

*The necessity of investing in two Reverse Osmosis (RO) water filtration systems:*

Trong quá trình vận hành các dây chuyền sản xuất với công suất cao, mức tiêu thụ nước tinh khiết (RO) là rất lớn. Vì vậy, việc đầu tư hệ thống máy lọc nước RO dự phòng là vô cùng cần thiết, để luôn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, đảm bảo các hoạt động sản xuất được thông suốt.

*During the operation of production lines with high capacity, the consumption of reverse osmosis (RO) water is substantial. Therefore, investing in backup RO water filtration systems is crucial to always meet demand and ensure smooth production operations.*

III. Nội dung xin chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao” trình ĐHĐCĐ thông qua: *Adjustment policy on the Project of “Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center” to submit to the General Meeting of Shareholders for approval:*

- Căn cứ các nội dung đã phân tích trên, dựa trên khái toán của đơn vị Tư vấn thiết kế và báo giá của hệ thống máy móc thiết bị sản xuất, kính trình ĐHĐCĐ thông qua chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao” (3 phân kỳ) như sau:

*Based on the above contents, relying on the estimated costs of the design consultancy company and the quotations for the equipment machinery system for manufacture, we respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for the the adjusting policy on the project of “Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center” (3 phases) as follows:*

**(Lưu ý: Các nội dung điều chỉnh sẽ được gạch chân để tiện theo dõi)**

**(Note: Adjustments will be underlined for ease of tracking)**

1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao.

**Project name:** *Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center*

- Phân kỳ 1: Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD công nghệ cao  
*Phase 1: Hi-tech Pharmaceutical OSD Factory*
- Phân kỳ 2: Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao Giai đoạn 2  
*Phase 2: Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center – Phase 2*
- Phân kỳ 3: Nhà máy sản xuất Thuốc mỡ, nang mềm, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe  
*Phase 3: Pharmaceutical Factory of Ointments, Soft capsules, Food supplements*

2. Địa điểm đầu tư: Lô đất A22, đường số 3 Khu công nghệ cao Đà Nẵng, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

*Investment location: Lot A22, Road No.3, Da Nang Hi-tech Industrial Park, Hoa Vang District, Da Nang City*

3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dược Danapha

**Investor:** *Danapha Pharmaceuticals Joint Stock Company*

4. Quy mô đầu tư/ **Investment scale:**

- Diện tích đất sử dụng: 31.013,5 m<sup>2</sup>/ *Land use area: 31,013.5m<sup>2</sup>*
- Công suất thiết kế/ *Designed capacity:*
  - Phân kỳ 1 - Thuốc viên: 01 tỷ viên/năm  
*Phase 1 – tablets: 01 billion tablets/ year*
  - Phân kỳ 2 - Thuốc nước, thuốc tiêm, cao dầu xoa: 90 triệu đơn vị/năm  
*Phase 2 – Liquids, solutions for injections, balms and liniments: 90 million units/ year*
  - Phân kỳ 3 - Thuốc mỡ, nang mềm, Thực phẩm BVSK: 300 triệu đơn vị/năm

- **Sản phẩm đầu ra/ Outputs :**

- ✓ Các sản phẩm thuốc viên công nghệ cao của Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD được sản xuất theo những nhóm sản phẩm sau:

*The High-tech pharmaceutical tablet products manufactured by the Factory of Pharmaceutical OSD are categorized as follows:*

- Nhóm sản phẩm 1: Thuốc viên nang mềm công nghệ nano (Nhóm sản phẩm sử dụng công nghệ nano, Mục 88, Phụ lục 2, QĐ số 38/2020/QĐ-TTg);

*Product group 1: Nano-technology soft capsules (Product group using nano-technology, Item 88, Appendix 2, Decision No.38/2020/QĐ-TTg);*

- Nhóm sản phẩm 2: Thuốc viên giải phóng có kiểm soát (Nhóm sản phẩm viên giải phóng có kiểm soát, Mục 76, Phụ lục 2, QĐ số 38/2020/QĐ-TTg);

*Product group 2: Controlled release tablets (Product group of controlled release tablets, Item 76, Appendix 2, Decision No. 38/2020/QĐ-TTg);*

- Nhóm sản phẩm 3: Các sản phẩm thuốc viên khác: Sản phẩm thuốc có chứng minh tương đương sinh học với thuốc gốc đối chiếu, sản phẩm được sản xuất theo công nghệ giải phóng tức thì (viên ODT), sản phẩm mới vừa hết hạn bảo hộ độc quyền trên thế giới...

*Product group 3: Other types of tablets: Tablets that are pharmaceutical equivalents to reference products, immediate-release products (ODT tablets), products whose monopoly expired worldwide recently, etc.*

- ✓ Các sản phẩm thuốc tiêm, thuốc nước, thuốc dùng ngoài của Nhà máy sản xuất dược phẩm và TT R&D công nghệ cao

*The solutions for injections, liquids, and products for external use that are manufactured by the Pharmaceutical Factory and the Hi-tech R&D Center*

- Các sản phẩm thuốc tiêm, thuốc nước, thuốc dùng ngoài hợp tác nghiên cứu phát triển với đối tác nước ngoài và các sản phẩm được nghiên cứu phát triển tại Danapha theo nhu cầu của thị trường hoặc theo đơn đặt hàng.

*The solutions for injections, liquids, and products for external use that are collaboratively researched and developed with international partners, as well as at Danapha in accordance with market demand or upon request.*

- Các dây chuyền sản xuất và Trung tâm R&D đều là dây chuyền sản xuất hiện đại với những công nghệ tiên tiến nhất được nhập khẩu từ Châu Âu. Phần lớn các công đoạn sản xuất đều được tự động hóa, khép kín, phù hợp với quy định về công nghệ cao trong sản xuất dược phẩm.

*Both the production lines and the R&D Center are equipped with state-of-the-art manufacturing technology imported from Europe. The majority of production processes are automated, enclosed, and compliant with regulations concerning advanced technology in pharmaceutical manufacturing.*

- Các sản phẩm thuốc nhỏ mắt theo công nghệ BFS, tự động sản xuất và đóng gói.

*Eye drops products using Blow-Fill-Seal (BFS) technology, automated production and packaging.*

- ✓ Các sản phẩm Thuốc mỡ, nang mềm, Thực phẩm BVSK của Nhà máy sản xuất dược phẩm và TT R&D công nghệ cao

Ointments, soft capsules, and food supplements manufactured by the Pharmaceutical Factory and the Hi-tech R&D Center.

- ✓ Các sản phẩm thuốc mỡ, nang mềm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe hợp tác nghiên cứu phát triển với đối tác trong nước và nước ngoài.

Ointments, soft capsules, and food supplements collaborated in research and development with domestic and international partners.

## 5. Quy mô kiến trúc xây dựng/ *Scale of construction architecture:*

### - **Phân kỳ 1/ Phase 1:**

Đầu tư xây dựng 01 nhà máy sản xuất dược phẩm thuốc viên (OSD) bao gồm 02 dây chuyền sản xuất thuốc tân dược có công suất 1 tỷ viên/ năm, nhà kho, phòng lab thí nghiệm (QC) với diện tích đất xây dựng là 5.400m<sup>2</sup> (tổng diện tích sàn là 10.800m<sup>2</sup>) và khu phụ trợ cho xưởng sản xuất (nhà chiller, phòng cơ điện, trạm hạ thế, tủ phân phối điện, nhà xe, trạm bơm, nhà nồi hơi, kho dung môi, nhà chứa rác, trạm xử lý nước thải, trạm bơm, bể nước ngầm, nhà chứa gas, ...). Nhà xưởng đảm bảo các tiêu chuẩn về độ sạch theo quy định của tiêu chuẩn GMP Châu Âu (EU-GMP).

*Investing in construction of a Oral solid dosage (OSD) manufacturing factory, comprising new drug production lines with a capacity of 1 billion tablets/year, warehouse facilities, a quality control (QC) laboratory covering a land area of 5,400m<sup>2</sup> (total floor area of 10,800m<sup>2</sup>), and auxiliary areas for the manufacturing factory (chiller room, mechanical and electrical room, substation, electrical distribution panel, parking area, pump station, boiler room, solvent storage, waste storage, wastewater treatment station, pump station, groundwater tank, gas storage, etc.). The manufacturing facility ensures compliance with cleanliness standards as stipulated by the European Good Manufacturing Practice (EU-GMP) regulations.*

### - **Phân kỳ 2/ Phase 2:**

- 01 nhà máy sản xuất bao gồm các dây chuyền sản xuất: Thuốc tiêm, thuốc nước, thuốc dùng ngoài, siro và cao dầu xoa. Quy mô nhà xưởng 02 tầng với diện tích xây dựng 47m x 76m.

*01 manufacturing factory comprising production lines for: solutions for injections, liquids, products for external use, syrups, balms and liniments. The factory scale spans two floors with a construction area of 47m x 76m.*

- 01 kho thành phẩm chung cho các nhà máy. Quy mô 01 tầng cao với diện tích xây dựng 36m x 90m. Bên trong có bố trí các khu vực kho đặc biệt hay chuyên dụng theo nhu cầu sử dụng.

*01 general finished product warehouse servicing all manufacturing factories. A single-storey warehouse with a construction area of 36m x 90m, internally structured with specialized or dedicated storage areas as required.*

- 01 Trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) nối liền với nhà xưởng sản xuất thuốc tiêm/ thuốc nước. Quy mô 02 tầng với diện tích xây dựng 16m x 47m.

*01 Research and Development (R&D) Center connected to the solutions for injections/ liquids manufacturing factory. The R&D Center spans two floors with a construction area of 16m x 47m.*

- 01 nhà văn phòng + căng tin với đầy đủ các phòng chức năng cho làm việc và nghỉ ngơi. Quy mô 04 tầng với diện tích xây dựng 24m x 32m.

*01 office building + cafeteria equipped with all necessary functional rooms for work and relaxation. A four-storey building with a construction area of 24m x 32m.*

- Các khu vực phụ trợ phục vụ cho sản xuất.

Supportive areas for manufacturing purposes.

- **Phân kỳ 3/ Phase 3:**

Đầu tư xây dựng 01 nhà máy sản xuất Thuốc mỡ, nang mềm, Thực phẩm BVSK bao gồm 01 dây chuyền sản xuất viên dạng rắn, 02 dây chuyền sản xuất thuốc mỡ, có công suất tổng là 300 triệu đơn vị/ năm. Tổng diện tích sàn là 4.988,3m<sup>2</sup>. Nhà xưởng đảm bảo các tiêu chuẩn về độ sạch theo quy định của tiêu chuẩn GMP Châu Âu (EU-GMP).

Investing in constructing 01 pharmaceutical factory which comprises 01 production line of OSD tablets for food supplements, 02 production lines of ointments and soft capsules, with a total floor area of 4,988.3m<sup>2</sup>, and a total capacity of 300 million units/ year including ointments, soft capsules, and food supplements. The factory ensures cleanliness standards according to the regulations of the Good Manufacturing Practices – European Union (EU-GMP) standards.

6. Tổng mức đầu tư: **1.495.737.645.410 VNĐ**. Trong đó:  
Total investment amount: **1,495,737,645,410 VND**, including:

TT No.	Loại chi phí Expense type	Phân kỳ 1 Phase 1	Phân kỳ 2 Phase 2	Phân kỳ 3 Phase 3	Tổng mức đầu tư Total investment amount
1	Chi phí xây lắp và thiết bị xây lắp  <i>Installation and Construction Equipment Costs</i>	204.158.156.367	321.094.130.127	<u>123.559.040.000</u>	<u>648.811.326.494</u>
2	Chi phí thiết bị sản xuất  <i>Manufacturing Equipment Costs</i>	222.852.290.000	347.555.391.231	<u>162.232.950.000</u>	<u>732.640.631.231</u>
3	Chi phí chung khác: TVTK, TVGS, TV đấu thầu, quản lý dự án, thẩm định EU-GMP, ...  <i>Other general expenses: Construction supervision, Quality management, Bidding expenses, Project management, EU- GMP assessment, etc.</i>	10.326.800.000	13.500.000.000	<u>4.295.006.989</u>	<u>28.121.806.989</u>

4	Chi phí khác và chi phí dự phòng <i>Miscellaneous and Contingency Expenses</i>	2.000.000.000	11.000.000.000	<u>7.429.570.153</u>	<u>20.429.570.153</u>
5	Chi phí lãi vay vốn hóa <i>Capitalization Interest Expenses</i>	14.000.000.000	3.928.750.000	<u>145.833.333</u>	<u>18.074.583.333</u>
6	Chi phí đã chi trước đây <i>Previously Incurred Costs</i>	21.808.019.605	25.851.707.605	<u>0</u>	<u>47.659.727.210</u>
	<b>Tổng cộng/ Total:</b>	<b>475.145.265.972</b>	<b>722.929.978.962</b>	<b><u>297.662.400.476</u></b>	<b><u>1.495.737.645.410</u></b>

7. **Nguồn vốn đầu tư:** Vốn huy động từ đợt phát hành Trái phiếu chuyển đổi năm 2017, vốn từ quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp, vốn vay Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng, vốn vay cổ đông và vốn vay nước ngoài. Cụ thể:

*Investment funds: Capital raised from convertible bonds in 2017, Capital from Development Investment Fund of the Company, Loan capital from Da Nang City Development Investment Fund (DDIF), Loan capital from shareholders, Long-term foreign loan. Details are as follows:*

ĐVT: đồng

Currency: VND

Cơ cấu vốn đầu tư <i>Investment fund structure</i>	Phân kỳ 1 <i>Phase 1</i>	Phân kỳ 2 <i>Phase 2</i>	Phân kỳ 3 <i>Phase 3</i>	Tổng dự án <i>Total of the project</i>	Tỷ trọng <i>Propotion</i>
Vốn huy động từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2017 <i>Capital raised from convertible bonds in 2017</i>	118.400.000.000	31.600.000.000		150.000.000.000	10,03%
Lợi nhuận để lại tái đầu tư (Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp) <i>Capital from Development Investment Fund of the Company</i>	165.000.000.000	44.000.000.000	<u>240.000.000</u>	<u>209.240.000.000</u>	13,99%
Vốn vay Quỹ ĐTPT thành phố Đà Nẵng (DDIF)		140.000.000.000		140.000.000.000	9,36%

<b>Cơ cấu vốn đầu tư</b> <i>Investment fund structure</i>	<b>Phân kỳ 1</b> <i>Phase 1</i>	<b>Phân kỳ 2</b> <i>Phase 2</i>	<b>Phân kỳ 3</b> <i>Phase 3</i>	<b>Tổng dự án</b> <i>Total of the project</i>	<b>Tỷ trọng</b> <i>Propotion</i>
<i>Loan capital from Da Nang City Development Investment Fund (DDIF)</i>					
<i>Vốn vay cổ đông</i> <i>Loan capital from shareholders</i>		307.000.000.000	<u>297.500.000.000</u>	604.500.000.000	40,41%
<i>Vốn vay nước ngoài (dài hạn)</i> <i>Long-term foreign loan</i>	192.000.000.000	200.000.000.000		392.000.000.000	26,21%
<b>Tổng vốn đầu tư</b> <i>Total investment funds</i>	<b>475.400.000.000</b>	<b>722.600.000.000</b>	<b><u>297.740.000.000</u></b>	<b><u>1.495.740.000.000</u></b>	<b>100,00%</b>

(\*) Nguồn vốn đầu tư tại phân kỳ 3: 297.500.000.000 đồng được dự kiến vay từ cổ đông hiện hữu và/hoặc vay từ các tổ chức tín dụng trong nước.

(\*) *The total investment capital for Phase 3: 297.500.000.000 VND, expected to be sourced through loans from existing shareholders and/or domestic credit institutions.*

Ban điều hành đã làm việc với một số cổ đông và các tổ chức tín dụng trong nước để đánh giá lãi vay, cũng như hạn mức cho vay phục vụ hoạt động đầu tư Dự án của phân kỳ 3 (Xem phụ lục 02 - Đánh giá lãi suất cho vay kèm theo). Tùy thuộc vào lãi suất tại thời điểm cho vay, ban điều hành sẽ đánh giá, lựa chọn phương án tối ưu và báo cáo Hội đồng quản trị Công ty.

*The Executive Management has discussed with several shareholders and domestic credit institutions to evaluate interest rates as well as loan limits to support the project investment activities of Phase 3 (Referred to Appendix 02 - Interest Assessments attached). Depending on the interest rates at the time of loan, the Board of Directors shall assess and select the optimal approach and report to the Board of Directors of the Company.*

#### **8. Thời gian thực hiện dự án/ *Duration of project implementation:***

Dự kiến tiến độ thực hiện dự án là từ tháng 11/2021 đến tháng 8/2024. Trong đó:  
*Estimated duration of project implementation is from November of 2021 to August of 2024, including:*

- Phân kỳ 1: Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD công nghệ cao.

*Phase 1: The High-tech OSD pharmaceutical Factory.*

Tiến độ thực hiện từ 30/11/2021 đến 31/12/2023.

*The implementation schedule: November 30th, 2021, to December 31st, 2023.*

- Phân kỳ 2: Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao.

*Phase 2: Pharmaceutical factory and Hi-tech Research and Development Center.*

Tiến độ thực hiện từ tháng 20/04/2023 đến 01/08/2024.

*The implementation schedule: April 20th, 2023, to August 1st, 2024.*

- Phân kỳ 3: Nhà máy sản xuất Thuốc mỡ, nang mềm, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Phase 3: Pharmaceutical factory of Ointments, Soft capsules, and Food supplements

Tiến độ thực hiện từ tháng 01/04/2024 đến 30/04/2025.

The implementation schedule: April 1st, 2024, to April 30th, 2025

**4. Đề xuất thông qua chủ trương điều chỉnh dự án**

***Proposal of adjustments in the project***

- Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao”.

*Respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval of the adjusting policy on the project of “Pharmaceutical Factory and the Hi-tech Research and Development Center”.*

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT công ty phê duyệt, triển khai công việc tiếp theo đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành và hiệu quả dự án đầu tư. Trong trường hợp điều chỉnh các hạng mục của Dự án nhưng không làm thay đổi tổng mức đầu tư, mục tiêu, quy mô của dự án; HĐQT chủ động thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư dự án xây dựng và báo cáo cho ĐHCĐ tại phiên họp gần nhất.

*The General Meeting of Shareholders delegates authority to the Board of Directors of the company to approve and implement the next steps ensuring compliance with current regulations and the investment project's effectiveness. In the event of adjusting the items of the project without changing the total investment amount, objectives, or project scale; the Board of Directors shall proactively implement in accordance with the relevant laws on construction project investment and report to the nearest General Meeting of Shareholders.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

*Respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval!*

**Nơi nhận/ Recipients**

- Các cổ đông/ Shareholders
- TV HĐQT, TV BKS;/ Members of BOD, Members of Supervisory Board
- Lưu VT/ Saved

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TUQ. CHỦ TỊCH**

**ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS**

**PER PROCURATIONEM OF CHAIRMAN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TS. Lê Thăng Bình**





# PHỤ LỤC 01 BÁO CÁO NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG SẢN XUẤT

(Kèm theo tờ trình số: 10 /2024/TT-ĐHĐCĐ ngày 29 / 3 /2024)

Căn cứ số liệu nghiên cứu thị trường, phân tích số liệu kinh doanh, đánh giá khả năng nghiên cứu và áp dụng vào sản xuất của công ty

## 1. Sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	STT TT05	THÀNH PHẦN THEO TT05 (*)	DẠNG BẢO CHẾ	SỐ LƯỢNG SỐ ĐĂNG KÝ	DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG		ƯỚC TÍNH SỐ LƯỢNG/GIÁ TRỊ KINH DOANH/NĂM		ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG SẢN XUẤT
					SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ	
1	60	Đương quy, Đỗ trọng, Câu tích, Đan sâm, Liên nhục, Tục đoạn, Thiên ma, Cốt toái bổ, Độc hoạt, Sinh địa, Uy linh tiên, Thông thảo, Khương hoạt, Hà thủ ô đỏ	Viên	01	19.078.988	91.468.951.069	9.539.494	45.734.475.534	Triển khai nghiên cứu
2	150	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Dung dịch uống	02	1.985.008	78.986.309.486	661.669	26.328.769.829	Triển khai nghiên cứu
3	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Viên	42	906.905.993	780.032.428.507	21.090.837	18.140.289.035	
4	27	Diệp Hạ Châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa	Thuốc cốm	01	6.320.770	28.970.781.755	3.160.385	14.485.390.878	Triển khai nghiên cứu
5	98	Men bia ép tinh chế	Dung dịch uống	02	15.665.454	37.563.908.970	5.221.818	12.521.302.990	Triển khai nghiên cứu
6	53	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu dừa	Viên nang	01	2.072.108	23.831.278.045	1.036.054	11.915.639.022	Triển khai nghiên cứu
7	73	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	Viên hoàn cứng	01	5.732.820	19.105.684.694	2.866.410	9.552.842.347	Triển khai nghiên cứu
8	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Thuốc cốm	01	5.640.387	17.710.312.471	2.820.193	8.855.156.235	Triển khai nghiên cứu
9	117	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	Viên nang	03	11.834.270	34.693.017.021	2.958.568	8.673.254.255	Triển khai nghiên cứu
10	56	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chi.	Viên nang	02	11.843.679	23.641.496.337	3.947.893	7.880.498.779	Triển khai nghiên cứu
11	9	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính.	Viên nang	01	5.315.647	14.926.256.490	2.657.824	7.463.128.245	Triển khai nghiên cứu
12	85	Cam thảo, Đảng sâm, Dịch chiết men bia	Dung dịch uống	01	9.952.932	11.738.607.659	4.976.466	5.869.303.829	Triển khai nghiên cứu
13	128	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.	Viên hoàn cứng	02	4.790.950	16.623.207.028	1.596.983	5.541.069.009	Triển khai nghiên cứu
14	28	Diệp hạ châu, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực	Viên nang	01	5.741.376	11.080.297.848	2.870.688	5.540.148.924	Triển khai nghiên cứu
15	54	Cao xương hổn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa	Viên hoàn cứng	02	11.908.955	16.515.522.533	3.969.652	5.505.174.178	Triển khai nghiên cứu

STT	STT TT05	THÀNH PHẦN THEO TT05 (*)	DẠNG BẢO CHẾ	SỐ LƯỢNG SỐ ĐĂNG KÝ	DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG		ƯỚC TÍNH SỐ LƯỢNG/GIÁ TRỊ KINH DOANH/NĂM		ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG SẢN XUẤT
					SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ	
16	173	Bột bèo hoa dâu	Viên nang	03	10.686.451	21.995.851.988	2.671.613	5.498.962.997	Triển khai nghiên cứu
17	129	Đương quy, Bạch quả	Viên nang	02	10.869.155	15.973.075.099	3.623.052	5.324.358.366	Triển khai nghiên cứu
18	22	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử	Viên	01	15.312.903	8.934.146.227	7.656.452	4.467.073.114	Triển khai nghiên cứu
19	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Dung dịch uống	01	2.325.003	8.857.007.201	1.162.501	4.428.503.601	Triển khai nghiên cứu
20	8;10	Cao khô Actiso EP + Cao khô Rau đắng đất 8:1 + Cao khô Bim bim (Hàm lượng acid Chlorogenic $\geq 0,8\%$ )	Viên	26	279.388.479	118.838.881.208	10.347.721	4.401.440.045	
21	24	Diệp hạ châu, Chua ngọt, Cỏ nhọ nổi	Viên	02	8.625.004	12.407.165.874	2.875.001	4.135.721.958	Triển khai nghiên cứu
22	76	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Đương quy, Ngưu tất, Thiên niên kiện, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, Bạch thược, Xuyên khung, Bột Mã tiền chế.	Viên nang	04	8.192.516	20.473.864.381	1.638.503	4.094.772.876	Triển khai nghiên cứu
23	101	Nghệ vàng	Dung dịch uống	03	4.514.711	16.153.560.348	1.128.678	4.038.390.087	Triển khai nghiên cứu
24	70	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh	Viên nang	01	5.499.262	8.015.003.367	2.749.631	4.007.501.683	Triển khai nghiên cứu
25	62	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác.	Viên nang	03	14.591.825	15.241.922.310	3.647.956	3.810.480.578	Triển khai nghiên cứu
26	140	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bồ, Đỗ trọng, Cúc bắt tử, Nấm sò khô.	Viên nang	01	2.830.628	7.251.263.080	1.415.314	3.625.631.540	Triển khai nghiên cứu
27	25	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất	Viên nang	01	3.724.485	6.249.158.346	1.862.242	3.124.579.173	Triển khai nghiên cứu
28	188	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm	Viên nang	01	1.187.811	5.806.785.038	593.905	2.903.392.519	Triển khai nghiên cứu
29	44	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	Viên nang	01	2.729.123	5.646.346.516	1.364.561	2.823.173.258	Triển khai nghiên cứu
30	35	Kim tiền thảo	Thuốc cốm	02	4.971.488	8.238.982.172	1.657.163	2.746.327.391	
31	62	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác.	Dung dịch uống (Chai 200ml)	01	157.401	5.156.491.289	78.701	2.578.245.644	
32	173	Bột bèo hoa dâu	Dung dịch uống	01	92.102	5.103.090.866	46.051	2.551.545.433	
33	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Dung dịch uống (chai 125ml)	04	256.679	10.600.639.713	51.336	2.120.127.943	
<b>Total</b>					<b>1.400.744.362</b>	<b>1.507.831.294.932</b>	<b>113.945.315</b>	<b>260.686.671.294</b>	

(\*) Các sản phẩm liệt kê trong Phụ lục này không bao gồm các sản phẩm Danapha đã được cấp số đăng ký

## 2. Sản phẩm có thuốc dùng ngoài dạng gel, mỡ

STT	TÊN HOẠT CHẤT	NỒNG ĐỘ - HÀM LƯỢNG	SỐ LƯỢNG SỐ ĐĂNG KÝ	TỔNG DOANH SỐ THỊ TRƯỜNG	ƯỚC TÍNH DOANH SỐ/NĂM	ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG SẢN XUẤT
1	Salicylic acid + betamethason dipropionat	3% +0,064%; 15 g	9	90.023.846.955	9.002.384.695	Triển khai nghiên cứu
2	Tetracyclin	1%, 5g	3	29.398.602.877	7.349.650.719	Triển khai nghiên cứu
3	Mupirocin	2%, 5g	1	7.798.837.869	3.899.418.934	Triển khai nghiên cứu
4	Tacrolimus	(30mg/100g) x 12g	1	4.677.168.390	2.338.584.195	Triển khai nghiên cứu
5	Mupirocin	2%, 5g	4	7.692.363.422	1.538.472.684	Triển khai nghiên cứu
6	Salicylic acid + betamethason dipropionat	(30mg/g + 0,5mg/g)30g	1	2.905.580.000	1.452.790.000	Triển khai nghiên cứu
7	Tacrolimus	0,03%, 10g	7	10.717.006.170	1.339.625.771	
8	Calcipotriol	0,75mg/15g	1	2.550.903.832	1.275.451.916	Triển khai nghiên cứu
9	Tacrolimus	0,1% 10g	11	15.044.890.204	1.253.740.850	
10	Mometason furoate + Acid salicylic	(1mg + 50mg)/1g - 15g	1	2.406.778.516	1.203.389.258	Triển khai nghiên cứu
11	Tacrolimus	0,1%; 15g	2	3.036.180.435	1.012.060.145	Triển khai nghiên cứu
12	Aciclovir	3%-5g	3	2.799.545.856	699.886.464	
13	Fluocinolon acetonid	0,025%/10g	2	1.828.462.089	609.487.363	
14	Calcipotriol	1,5mg/30g	1	1.166.166.509	583.083.254	
15	Salicylic acid + betamethason dipropionat	(30mg + 0,64mg)/ 1g, 10g	6	4.068.513.347	581.216.192	
16	Salicylic acid + betamethason dipropionat	(50mcg + 0,5mg)/g x 15g	4	2.262.372.733	452.474.547	
17	Tacrolimus	0,1%x5g	3	1.807.093.299	451.773.325	
18	Tacrolimus	1,5mg/5g	2	1.256.282.900	418.760.967	
19	Mupirocin	20mg/g, 15g	1	673.680.000	336.840.000	
20	Salicylic acid + betamethason dipropionat	30mg+ 0,5mg, 20g	1	623.918.203	311.959.101	
21	Hydrocortison	1% - 5g	1	465.475.928	232.737.964	
22	Ofloxacin	0,3%/ 3,5g	2	676.751.833	225.583.944	
23	Gentamicin	0,3%/10g	1	415.648.850	207.824.425	
24	Mupirocin	2%, 10g	1	354.532.000	177.266.000	
25	Gentamicin	3mg/g x 5g	2	467.631.922	155.877.307	
26	Salicylic acid + betamethason dipropionat	(50mcg + 500mcg)/g x 30g	4	732.776.667	146.555.333	
27	Aciclovir	5%/5g	2	422.430.257	140.810.086	
28	Mupirocin	20mg/g- 20g	1	267.320.806	133.660.403	
29	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	12,25mg + 21.000 IU + 3,5mg	1	264.103.000	132.051.500	
30	Triamcinolon acetonid	1% - 5g	1	150.448.199	75.224.099	

0400  
CƠ  
CÓ  
DU  
DAN  
PH

STT	Mã HH	STT TT05	HOẠT CHẤT THEO TT05	DẠNG BẢO CHẾ	ETC					OTC					Đánh giá tiềm năng sản xuất	Ghi chú
					SL SDK	Giá TB	Số lượng TB 1 năm	Doanh số TB 1 năm	Doanh số dự kiến	SL SDK	Giá TB	Số lượng TB 1 năm	Doanh số TB 1 năm	Doanh số dự kiến		
1	1	27	Diệp Hạ Châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa	Thuốc cốm	1	4.620	4.254.393	19.655.297.200	9.827.648.600	01	4.508	2.066.377	9.315.484.555	4.657.742.278	x	
2	2	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Thuốc cốm	1	3.140	5.578.391	17.514.915.101	8.757.457.550	01	3.152	61.995	195.397.370	97.698.685	x	
3	3	73	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	Viên hoàn cứng	1	3.197	5.258.774	16.814.236.233	8.407.118.117	01	4.834	474.046	2.291.448.461	1.145.724.230	x	
4	4	150	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Dung dịch uống (Chai 90ml)	1	34.670	331.565	11.495.421.280	5.747.710.640	02	40.818	1.653.443	67.490.888.206	22.496.962.735	x	
5	5	28	Diệp hạ châu, Xuyên tâm tiên, Bồ công anh, Cỏ mực	Viên nang	1	1.931	5.700.570	11.008.843.033	5.504.421.517	01	1.751	40.806	71.454.814	35.727.407	x	
6	6	127	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Dung dịch uống	1	3.812	2.319.213	8.840.192.467	4.420.096.233	01	2.904	5.789	16.814.735	8.407.367	x	
7	7	60	Đương quy, Đỗ trọng, Cấu tích, Đan sâm, Liên nhục, Tục đoạn, Thiên ma, Cốt toái bổ, Độc hoạt, Sinh địa, Uy linh tiên, Thông thảo, Khương hoạt, Hà thủ ô đỏ.	Viên	1	4.454	1.955.780	8.711.055.333	4.355.527.667	01	4.833	17.123.208	82.757.895.735	41.378.947.868	x	
8	8	85	Cam thảo, Đảng sâm, Dịch chiết men bia	Dung dịch uống	1	952	9.026.550	8.595.907.667	4.297.953.833	01	3.392	926.382	3.142.699.992	1.571.349.996	x	
9	9	70	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truyệt, Thổ phục linh	Viên nang	1	1.465	5.313.917	7.783.019.933	3.891.509.967	01	1.252	185.346	231.983.433	115.991.717	x	
10	10	22	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử	Viên	1	583	13.034.232	7.604.734.133	3.802.367.067	01	583	2.278.672	1.329.412.094	664.706.047	x	
11	11	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ich mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Dung dịch uống (chai 125ml)	1	38.746	196.155	7.600.295.000	3.800.147.500	04	49.573	60.524	3.000.344.713	600.068.943	x	
12	12	140	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô.	Viên nang	1	2.568	2.699.823	6.934.073.667	3.467.036.833	01	2.425	130.804	317.189.413	158.594.706	x	
13	13	25	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất	Viên nang	1	1.678	3.444.713	5.781.776.900	2.890.888.450	01	1.671	279.771	467.381.446	233.690.723	x	
14	14	44	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	Viên nang	1	2.067	2.717.887	5.618.818.667	2.809.409.333	01	2.450	11.236	27.527.850	13.763.925	x	
15	15	188	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm	Viên nang	1	4.900	1.122.140	5.498.649.333	2.749.324.667	01	4.692	65.671	308.135.704	154.067.852	x	
16	16	53	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành	Viên nang	1	12.000	414.382	4.972.584.000	2.486.292.000	01	11.376	1.657.726	18.858.694.045	9.429.347.022	x	
17	17	62	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng ký/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác.	Dung dịch uống (Chai 200ml)	1	33.082	137.818	4.559.311.833	2.279.655.917	01	30.494	19.584	597.179.455	298.589.728	x	
18	18	173	Bột bèo hoa dâu	Dung dịch uống	1	54.977	70.312	3.865.566.067	1.932.783.033	01	56.794	21.790	1.237.524.800	618.762.400	x	
19	41	56	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chi.	Viên nang	2	2.129	7.566.285	16.108.770.083	5.369.590.028	02	1.761	4.277.394	7.532.726.253	2.510.908.751	x	
20	42	129	Đương quy, Bạch quả	Viên nang	2	1.474	9.819.817	14.477.339.232	4.825.779.744	02	1.425	1.049.338	1.495.735.867	498.578.622	x	
21	43	9	Actiso, Cao mặt lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính.	Viên nang	1	2.826	5.038.987	14.239.297.917	7.119.648.958	01	2.483	276.660	686.958.573	343.479.287	x	
22	44	54	Cao xương hổn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa	Viên hoàn cứng	2	2.678	4.136.055	11.074.492.533	3.691.497.511	02	700	7.772.900	5.441.030.000	1.813.676.667	x	
23	45	128	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.	Viên hoàn cứng	2	3.200	3.407.290	10.903.328.000	3.634.442.667	02	4.134	1.383.660	5.719.879.028	1.906.626.343	x	
24	46	98	Men bia ép tinh chế	Dung dịch uống	2	2.522	2.896.191	7.303.518.750	2.434.506.250	01	2.370	12.769.263	30.260.390.220	15.130.195.110	x	
25	47	24	Diệp hạ châu, Chua ngót, Cỏ nhọ nồi	Viên	2	1.708	3.210.460	5.483.795.467	1.827.931.822	01	1.279	5.414.544	6.923.370.407	3.461.685.203	x	
26	48	35	Kim tiền thảo	Thuốc cốm	2	1.994	2.261.453	4.509.608.533	1.503.202.844	01	1.376	2.710.035	3.729.373.639	1.864.686.819	x	
27	55	173	Bột bèo hoa dâu	Viên nang	3	2.056	10.243.973	21.061.436.467	5.265.359.117	01	2.112	442.477	934.415.521	467.207.761	x	
28	56	76	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Đương quy, Ngưu tất, Thiên niên kiện, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, Bạch thược, Xuyên khung, Bột Mã tiền chế.	Viên nang	3	2.605	6.296.522	16.402.572.541	4.100.643.135	04	2.147	1.895.994	4.071.291.840	814.258.368	x	

1020  
 10 T  
 PHÁ  
 SỞ C  
 APH  
 5 ĐA

STT	MÃ HH	STT TT05	HOẠT CHẤT THEO TT05	DẠNG BẢO CHẾ	ETC				OTC				Đánh giá tiềm năng sản xuất	Ghi chú		
					SL SDK	Giá TB	Số lượng TB 1 năm	Doanh số TB 1 năm	Doanh số dự kiến	SL SDK	Giá TB	Số lượng TB 1 năm			Doanh số TB 1 năm	Doanh số dự kiến
29	57	62	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác.	Viên nang	3	1.067	11.951.388	12.753.333.545	3.188.333.386	02	942	2.640.437	2.488.588.765	829.529.588	x	
30	58	117	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	Viên nang	3	3.978	2.806.820	11.165.543.067	2.791.385.767	02	2.606	9.027.450	23.527.473.955	7.842.491.318	x	
31	59	101	Nghệ vàng	Dung dịch uống	3	3.183	2.569.110	8.176.825.747	2.044.206.437	03	4.100	1.945.601	7.976.734.601	1.994.183.650	x	
32	70	8;10	Cao khô Actiso EP + Cao khô Rau đắng đất 8:1 + Cao khô Bìm bìm (Hàm lượng acid Chlorogenic ≥ 0,8%)	Viên	11	585	29.286.664	17.129.883.982	1.427.490.332	26	407	250.101.815	101.708.997.225	3.766.999.897		
33	71	127	Đình lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Viên	14	233	64.393.923	15.001.870.299	1.000.124.687	42	908	842.512.069	765.030.558.208	17.791.408.330		
<b>Total</b>							<b>229.461.555</b>	<b>348.646.314.010</b>	<b>131.651.491.608</b>			<b>1.171.282.807</b>	<b>1.159.184.980.923</b>	<b>144.716.059.344</b>		

## ETC

## OTC

STT	Tên hoạt chất/thành phần	NĐ/HL	Nhóm thuốc	Số lượng SDK/GPNK	Số lượng 3 năm	Thành tiền 3 năm	Số lượng TB 1 năm	Doanh số TB 1 năm	Đơn giá TB	Dự kiến doanh số ETC	Số lượng SDK trong nước	Doanh số TB năm	Dự Kiến Doanh số OTC	Tổng Doanh số	ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG SẢN XUẤT
1	Salicylic acid + betamethason dipropionat	3% +0,064%; 15 g	N4	5	113.891	2.118.066.420	37.964	706.022.140	18.597	117.670.357	9	89.317.824.815	8.931.782.481	9.637.804.621	X
2	Tetracyclin	1%, 5g	N4	3	260.242	866.875.040	86.747	288.958.347	3.331	72.239.587	3	29.109.644.530	7.277.411.133	7.566.369.479	X
3	Mupirocin	2%, 5g	N2	1	79.435	2.877.902.500	26.478	959.300.833	36.230	479.650.417	1	6.839.537.036	3.419.768.518	4.379.069.351	X
4	Mupirocin	2%, 5g	N4	4	74.549	2.558.479.160	24.850	852.826.387	34.319	170.565.277	1	6.839.537.036	3.419.768.518	4.272.594.904	X
5	Salicylic acid + betamethason dipropionat	(30mg/g + 0,5mg/g)30g	N2	1	91.832	8.716.740.000	30.611	2.905.580.000	94.921	1.452.790.000				2.905.580.000	X
6	Tacrolimus	0,1% 10g	N4	3	69.990	5.008.087.200	23.330	1.669.362.400	71.554	417.340.600	11	13.375.527.804	1.114.627.317	2.783.989.717	X
7	Tacrolimus	(30mg/100g) x 12g	N4	1	5.050	1.504.900.000	1.683	501.633.333	298.000	250.816.667	1	4.175.535.057	2.087.767.528	2.589.400.862	X
8	Salicylic acid + betamethason dipropionat	(50mcg + 0,5mg)/g x 15g	N4	4	43.593	6.787.118.200	14.531	2.262.372.733	155.693	452.474.547				2.262.372.733	
9	Salicylic acid + betamethason dipropionat	(30mg + 0,64mg)/1g, 10g	N4	6	315.883	3.607.972.750	105.294	1.202.657.583	11.422	171.808.226	3	2.865.855.763	716.463.941	1.919.121.524	
10	Tacrolimus	0,1%; 15g	N4	2	5.500	1.914.500.000	1.833	638.166.667	348.091	212.722.222	1	2.398.013.768	1.199.006.884	1.837.173.551	X
11	Calcipotriol	0,75mg/15g	N4	1	20.920	2.672.901.200	6.973	890.967.067	127.768	445.483.533	1	1.659.936.766	829.968.383	1.720.935.450	X
12	Tacrolimus	0,03%, 10g	N4	2	12.332	625.692.800	4.111	208.564.267	50.737	69.521.422	7	10.508.441.903	1.313.555.238	1.522.119.505	X
13	Mometason furoate + Acid salicylic	(1mg + 50mg)/1g - 15g	N4	1	9.160	687.000.000	3.053	229.000.000	75.000	114.500.000	1	2.177.778.516	1.088.889.258	1.317.889.258	X
14	Aciclovir	3%-5g	N4	3	34.312	1.653.621.125	11.437	551.207.042	48.194	137.801.760	2	2.248.338.814	749.446.271	1.300.653.313	
15	Tacrolimus	1,5mg/5g	N4	2	31.777	1.673.589.160	10.592	557.863.053	52.667	185.954.351	2	698.419.847	232.806.616	790.669.669	
16	Salicylic acid + betamethason dipropionat	(50mcg + 500mcg)/g x 30g	N4	4	10.710	2.198.330.000	3.570	732.776.667	205.260	146.555.333				732.776.667	
17	Calcipotriol	1,5mg/30g	N4	1	7.720	740.178.200	2.573	246.726.067	95.878	123.363.033	1	919.440.442	459.720.221	706.446.288	
18	Fluocinolon acetonid	0,025%/10g	N4	2	87.504	338.691.078	29.168	112.897.026	3.871	37.632.342	2	1.715.565.063	571.855.021	684.752.047	
19	Ofloxacin	0,3%/ 3,5g	N2	2	40.750	2.030.255.500	13.583	676.751.833	49.822	225.583.944				676.751.833	
20	Mupirocin	20mg/g, 15g	N2	1	20.580	2.021.040.000	6.860	673.680.000	98.204	336.840.000				673.680.000	
21	Tacrolimus	0,1% x 5g	N4	1	3.920	294.650.000	1.307	98.216.667	75.166	49.108.333	3	1.708.876.632	427.219.158	525.435.825	
22	Mupirocin	2%, 10g	N2	1	15.200	1.063.596.000	5.067	354.532.000	69.973	177.266.000				354.532.000	
23	Salicylic acid + betamethason dipropionat	30mg+ 0,5mg, 20g	N4	1	4.140	186.300.000	1.380	62.100.000	45.000	31.050.000	1	561.818.203	280.909.101	343.009.101	
24	Hydrocortison	1% - 5g	N4	1	22.030	331.860.000	7.343	110.620.000	15.064	55.310.000	1	354.855.928	177.427.964	288.047.964	
25	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	12,25mg + 21.000 IU + 3,5mg	N2	1	18.214	792.309.000	6.071	264.103.000	43.500	132.051.500				264.103.000	
26	Gentamicin	0,3%/10g	N4	1	11.142	84.847.500	3.714	28.282.500	7.615	14.141.250	1	387.366.350	193.683.175	221.965.675	
27	Mupirocin	20mg/g- 20g	N4	1	4.090	449.891.820	1.363	149.963.940	109.998	74.981.970	1	117.356.866	58.678.433	208.642.373	
28	Gentamicin	3mg/g x 5g	N4	1	500	1.925.000	167	641.667	3.850	320.833	2	466.990.256	155.663.419	156.305.085	
29	Aciclovir	5%/5g	N4	1	6.530	29.794.000	2.177	9.931.333	4.563	4.965.667	2	412.498.924	137.499.641	147.430.975	
30	Triamcinolon acetonid	1% - 5g	N4	1	360	3.168.000	120	1.056.000	8.800	528.000	1	149.392.199	74.696.099	75.752.099	





## PHỤ LỤC 02

### ĐÁNH GIÁ LÃI SUẤT CHO VAY

Kèm theo tờ trình số : 10/2024/TT-ĐHĐCĐ

Về việc thông qua chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng "Nhà máy sản xuất Dược phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao"

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn để đầu tư xây dựng dự án của công ty: Nhà máy sản xuất Dược Phẩm và Trung tâm nghiên cứu phát triển Công nghệ cao, gọi tắt là "Dự án".

Ban điều hành công ty đã tiến hành làm việc với các cổ đông của Công ty, các tổ chức tín dụng: ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank, Quỹ Đầu Tư phát triển của Thành phố Đà Nẵng.

Ban điều hành Công ty xin trình bày tóm tắt kết quả làm việc ban đầu như sau:

<b>Điều kiện vay vốn</b>	<b>Phương án vay vốn Cổ Đông Công ty</b>	<b>Phương án vay vốn các tổ chức ngân hàng (Vietcombank, Viettbank, BIDV)</b>	<b>Phương án vay vốn của Quỹ Đầu Tư phát triển thành phố Đà Nẵng</b>
<b>Hạn mức vay</b>	Đáp ứng đủ giá trị theo nhu cầu vay của công ty	Hạn mức vay phụ thuộc vào tỷ lệ tài sản thế chấp, phương án khả thi của dự án.	Hạn mức vay phụ thuộc vào tỷ lệ tài sản thế chấp, phương án khả thi của dự án nhưng không được quá 250 tỷ VNĐ/ dự án.
<b>Tài sản thế chấp</b>	Thủ tục thế chấp đơn giản, giá trị tài sản thế chấp ở mức phù hợp và luôn đảm bảo giá trị tài sản thế chấp không cao hơn so với ngân hàng khi vay ngân hàng cùng giá trị tương đương.	Giá trị tài sản thế chấp tương đương giá trị khoản vay	Giá trị tài sản thế chấp tương đương giá trị khoản vay
<b>Lãi suất vay</b>	Luôn đảm bảo mức lãi suất thấp và ưu đãi, dao động từ 3.5%/năm đến mức lãi suất, thấp hơn so với mức lãi suất trung bình của 4 ngân hàng TMCP có	Cố định lãi suất năm đầu dao động từ 7%-8%/năm đầu và bắt đầu từ năm thứ 2 sẽ thả nổi lãi suất theo thị trường = lãi suất tiết	Cố định lãi suất 6.5% /năm, trong suốt thời gian vay.

Điều kiện vay vốn	Phương án vay vốn Cổ Đông Công ty	Phương án vay vốn các tổ chức ngân hàng (Vietcombank, Viettbank, BIDV)	Phương án vay vốn của Quỹ Đầu Tư phát triển thành phố Đà Nẵng
	vốn nhà nước lớn nhất trên thị trường (Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank). Mức lãi suất cho vay phải phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 5, luật quản lý Thuế 2019, nhằm tránh trường hợp bị ấn định Thuế.	kiệm kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng nhà nước + biên độ 3.5%	
<b>Các điều kiện khác</b>	Linh động thời gian trả nợ trước hạn hoặc trả nợ trễ hơn so với hợp đồng vay ban đầu	Trả nợ trước hạn sẽ bị phạt theo quy định của hợp đồng tín dụng. Tuân thủ việc trả vay theo quy định trả nợ vay và nợ gốc vay.	Tuân thủ theo quy định điều kiện trả vay và trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng.

Căn cứ theo các nội dung làm việc với các tổ chức tín dụng như trình bày ở trên, Ban điều hành Công ty đánh giá việc vay vốn của các cổ đông Công ty sẽ phù hợp và có nhiều thuận lợi hơn so với việc vay vốn các tổ chức tín dụng trong nước tại thời điểm hiện nay.

Tuy nhiên, các điều kiện vay vốn của các tổ chức tín dụng có thể sẽ thay đổi theo tình hình thị trường theo hướng tốt hơn so với hiện tại.

Do đó, Ban điều hành Công ty đề xuất chủ trương vay vốn cho việc thực hiện Dự án từ hai nguồn vốn: Cổ đông công ty hoặc/ và các tổ chức tín dụng (nêu trên).

Tùy thuộc vào lãi suất tại thời điểm cho vay, ban điều hành sẽ đánh giá, lựa chọn phương án tối ưu và báo cáo Hội đồng quản trị Công ty.